| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN P**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2023
V/v "Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Thu Hiền;
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Thị Minh Hải;
Ông Nguyễn Thế Khoa.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Tuyết Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về "Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 08 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QDSST-HNGĐ ngày 28/08/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích N, sinh năm: 1995;
Cư trú tại: Thôn L, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh S, sinh năm: 1992;
Cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Trần Thị Bích N trình bày:*

Nguyên đơn đã ly hôn với ông Trần Minh S theo bản án số 57/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên. Tại phần con chung: Tòa án đã giao con Trần Bảo A sinh ngày 14/9/2014 và Trần Vân A1, sinh ngày 07/11/2015 cho bà Trần Thị Bích N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tại thời điểm xin ly hôn, vì ông S trình bày còn nợ nần nên bà N không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay điều kiện của ông S đã thay đổi, đi làm tài xế xe tải có thu nhập cao, hơn nữa vì nhu cầu phát triển của 02 con

cần trách nhiệm của cả cha, lẫn mẹ. Do vậy, bà N yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.500.000 đồng/tháng/cháu (hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2023.

Trong quá trình khởi kiện tại Tòa án nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu cấp dưỡng cho 02 con 2.000.000 đồng/2 cháu (mỗi cháu 1.000.000 đồng), thời gian cấp dưỡng tại thời điểm Tòa án tiến hành xét xử tháng 9/2023.

Bị đơn Trần Minh S được Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến. Tại biên bản xác minh ngày 15/8/2023 địa phương cung cấp hiện nay ông S có cư trú tại thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Theo biên bản ghi lời trình bày bà Võ Thị M (mẹ ruột ông S) thì hiện nay S làm tài xế nên thường xuyên vắng nhà, bà M trao đổi nội dung khởi kiện của nguyên đơn cho S biết và cung cấp lại thông tin S đồng ý cấp dưỡng hai con chung Trần Bảo A và Trần Vân A1 mỗi tháng 500.000 đồng/cháu.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng nhưng do bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn chấp hành không đúng giấy triệu tập của Tòa án; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng 02 con chung Trần Bảo A, sinh ngày 14/9/2014 và Trần Vân A1, sinh ngày 07/11/2015 mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2023; Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Trần Thị Bích N yêu cầu cấp dưỡng con chung sau ly hôn với bị đơn Trần Minh S có địa chỉ tại thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp cấp dưỡng con chung sau ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2023, HĐXX thấy rằng:

Bà N đã ly hôn với ông S theo bản án số 57/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên, tại phần Quyết định của bản án có nội dung giao 02 con chung là Trần Bảo A sinh ngày 14/9/2014 và Trần Vân A1, sinh ngày 07/11/2015 cho bà Trần Thị Bích N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Như vậy giữa bà N và ông S có với nhau 02 người con chung là Trần Bảo A sinh ngày 14/9/2014 và Trần Vân A1, sinh ngày 07/11/2015, đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận, được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không cần phải chứng minh theo Điều 92 BLTTDS.

Tại thời điểm ly hôn, bà N không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Từ thời gian sau ly hôn đến nay, ông S cũng không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*".

Xét điều kiện nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng: Về điều kiện phát triển của cháu Trần Bảo A, sinh năm 2014 hiện nay đang học lớp 4 và cháu Trần Vân A1, sinh năm 2015 hiện nay đang học lớp 3, về nhu cầu sinh hoạt, học tập, chi phí ngày càng tăng cao, mỗi cháu từ khoảng 2-3 triệu đồng/tháng.

Căn cứ vào khả năng thu nhập thực tế hiện nay ông S có công việc ổn định và có thu nhập hàng tháng. Theo lời khai của bà M (mẹ ông S), ông S có công việc lái xe tải, thu nhập ít nhất 5.000.000 đồng/tháng và chỉ đồng ý cấp dưỡng 500.000 đồng/cháu/tháng. Tuy nhiên, đây là mức cấp dưỡng quá thấp, không đảm bảo cho nhu cầu phát triển của con trẻ, so với nhu cầu thực tế.

Do đó, xét toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con bắt đầu từ tháng 9/2023 là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với lợi ích của con trẻ, có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét các đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với các nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, các Điều 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Bích N.

1. Buộc bị đơn Trần Minh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng 02 con chung Trần Bảo A sinh ngày 14/9/2014 và Trần Vân A1, sinh ngày 07/11/2015, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2023 đến khi phát sinh 01 trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Bị đơn Trần Minh S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(đã ký)*

**Trương Thị Thu Hiền**